

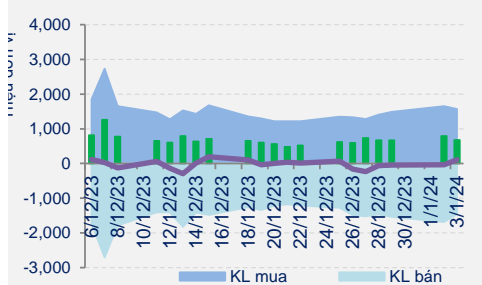
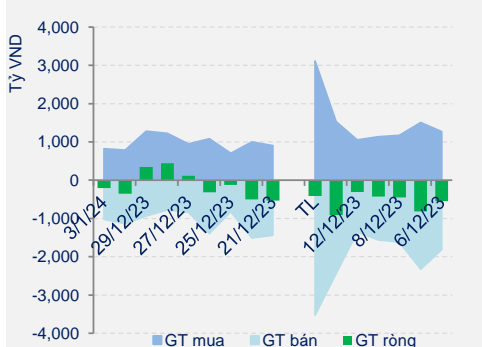
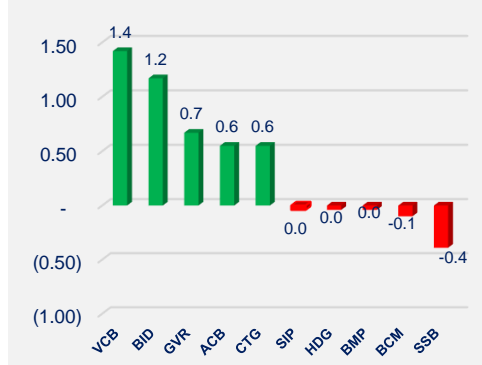
MARKET LENS

3/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,144.17	231.64
% Thay đổi	↑ 1.10%	↑ 0.72%
KLGD (CP)	676,938,422	61,649,233
GTGD (tỷ đồng)	14,684.06	1,137.75
Tổng cung (CP)	1,459,664,739	116,179,000
Tổng cầu (CP)	1,572,446,348	110,577,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,490,265	1,098,590
KL mua (CP)	25,717,900	667,170
GT mua (tỷ đồng)	819.05	28.29
GT bán (tỷ đồng)	1,022.63	36.12
GT ròng (tỷ đồng)	(203.58)	(7.82)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau phiên giao dịch đầu năm 2024 khá tích cực khi VN-INDEX vượt lên đường giá trung bình MA200 phiên, VN-INDEX tiếp tục có diễn biến tích cực trong phiên hôm nay khi trong phiên điều chỉnh nhẹ và phục hồi tăng điểm, đã tăng điểm tốt hơn trong phiên chiều khi kết phiên VN-INDEX tăng 12,45 điểm (+1,10%) lên mức 1.144,17 điểm, tiệm cận đường giá trung bình MA200 trên đồ thị tuần, cũng là vùng đỉnh giá tháng 10/2023. HNX-INDEX tăng 1,65 điểm (0,72%) lên mức 231,64 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực trở lại với lực cầu giá lên gia tăng tốt khi có 513 mã tăng giá (23 mã tăng trần), 160 mã giảm giá (12 mã giảm sàn) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 15.815,79 tỉ đồng được giao dịch, giảm 13,65% so với phiên trước, dưới mức trung bình với khối lượng giao dịch trên HOSE giảm 15,41%, trong khi khối lượng nhóm VN30 chỉ giảm nhẹ, cho thấy dòng tiền, lực cầu ngắn hạn vẫn cải thiện tốt trong nhóm VN30. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng phiên thứ 2 với giá trị 203,58 tỉ đồng trên HOSE, tập bán ròng nhóm mã dịch vụ tài chính, chứng khoán, bán lẻ; bán ròng trên HNX với giá trị 7,82 tỷ đồng.

Tại buổi họp báo triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2024, Theo Phó Thống đốc ngân hàng Đào Minh Tú cho biết năm 2023 tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13,5%. Theo Phó Thống đốc, trong bối cảnh năm 2023 là một năm cực kỳ khó khăn của điều hành chính sách tiền tệ thì đây là con số rất tích cực và là kết quả của sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và cả ngành ngân hàng trong cả năm vừa qua và vào giai đoạn cuối năm. Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành tín dụng chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến khá tích cực trước những thông tin trên, hầu hết tăng giá khá tích cực, thanh khoản tăng mạnh vượt mức trung bình như OCB (+2,97%), SHB (+2,74%), STB (+2,70%), ACB (+2,25%).... Các cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến tăng giá vượt trội so với thị trường chung nổi bật với DGW (+6,88%), PET (+3,28%), MWG (+1,77%)... ngoài FRT (-0,28%)...

Các cổ phiếu nhóm xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến tăng giá mạnh, thanh khoản gia tăng khá đột biến như KSB (+6,98%), BCC (+6,52%), VLB (+5,83%), CTD (+4,87%), C69 (+4,35%), HHV (+3,85%)... Các cổ phiếu thủy sản cũng có mức độ phục hồi tốt, nhiều mã vượt lên vùng giá đỉnh các phiên trước, thanh khoản cải thiện mạnh như ASM (+2,44%), ANV (+2,26%), IDI (+2,16%).... ngoài trừ SEA (-7,42%).

Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng phục hồi mạnh so với VN-INDEX, nhiều mã vượt đỉnh cũ gần nhất, thanh khoản tăng mạnh tích cực, nổi bật với DTD (+4,49%), GVR (+3,10%), IDC (+1,95%)... ngoài các mã điều chỉnh SIP (-1,23%), BCM (-0,65%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2401 tăng mạnh 14,8 điểm (+1,31%), chênh lệch dương gia tăng 3,45 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2401 tích cực khi vượt vùng kháng cự quanh 1.140 điểm để hướng đến vùng giá cao nhất tháng 11/2023 tương ứng quanh 1.152 điểm. Các kỳ hạn VN30F2402, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,75 điểm đến 2,35 điểm, thể hiện các trader lạc quan hơn về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn với mức dừng lỗ ngắn hạn theo hỗ trợ quanh 1.135- 1.140 điểm. Tuy nhiên cần lưu ý vị thế ngắn hạn của VN30 có thể đi vào quá mua ngắn hạn trong phiên đến và có thể rung lắc mạnh hay hedge mạnh ở thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Sau vài phiên chứng lại trước cản trên của kênh tích lũy ngắn hạn, phiên hôm nay VnIndex tăng điểm mạnh thoát khỏi kênh ngắn hạn và sắp tiệm cận ngưỡng cản 1.150 điểm. Diễn biến của thị trường tích cực như chúng tôi đã dự báo và kỳ vọng. Chốt phiên thị trường tăng +12.46 điểm (+1,10%) và đóng cửa ở 1.144,17 điểm. Trong ngắn hạn Vn-Index sẽ sớm gặp cản 1.150 điểm và có thể có rung lắc, về trung hạn Vn-Index sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực và sắp tiệm cận cản ngắn hạn 1.150 điểm như chúng tôi thường xuyên đề cập, khi VnIndex tiệm cận ngưỡng cản này rất có thể thị trường sẽ có rung lắc điều chỉnh, nhưng với động lực vận động trên nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt chúng tôi kỳ vọng VnIndex sẽ sớm vượt qua ngưỡng cản này để tiến vào khu vực kỳ vọng tích lũy trung hạn.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong vài tuần qua đang dần hình thành 1 kênh tích lũy mới rõ nét dần trong khu vực 1.100 điểm - 1.130 điểm và phiên hôm nay VnIndex đã thoát khỏi kênh tích lũy này để tiếp tục vượt lên. Với trạng thái tích cực của thị trường chúng tôi còn kỳ vọng VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy trong biên độ cao hơn.

Thị trường đang trong nhịp tăng ngắn hạn và thoát khỏi kênh tích lũy tiệm cận ngưỡng kháng cự 1.150 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi Vn-Index tiệm cận ngưỡng 1.150 bởi thị trường rất dễ điều chỉnh và rung lắc quanh ngưỡng này. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PET	28.30	24.5-25.5	31-32	23	38.5	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	43.20	38-39.5	44-46	35	9.4	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.95	31-33	38-39	29	8.5	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.90	30.5-31.2	34-35	29	16.9	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.20	26-27	30-31	25	36.1	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
VSC	29.00	27-28.6	33-34	25	28.7	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.40	25-26.3	29.5-30.5	23	13.9	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.20	22.3	28-28.5	25	13.0%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.60	18.6	28-29	24	37.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.70	24.45	30-31	26	9.2%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	50.00	45.1	52-53	48	10.9%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.00	11.4	15-16	11	-3.5%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.90	30.2	34-35	30	5.6%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.20	27.55	30-31	26.5	2.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.30	18.09	26-27	18	6.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Phó Thống đốc NHNN: Tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt khoảng 13,5%**

Đây là thông tin được Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú cho biết tại họp báo triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2024 sáng 3/1. Chia sẻ tại họp báo về triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2024 sáng 3/1, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Đào Minh Tú cho biết năm 2023 là một năm cực kỳ khó khăn của điều hành chính sách tiền tệ. Tính đến 28/12, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 13%. Ông đánh giá đây là con số rất tích cực và là kết quả của sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và cả ngành ngân hàng trong cả năm vừa qua và vào giai đoạn cuối năm.

EVN lên kế hoạch cung ứng theo tháng để tránh thiếu điện

EVN sẽ công bố sản lượng huy động điện từng tháng để các nhà máy, đơn vị lập kế hoạch dự phòng, tránh xảy ra thiếu điện mùa nắng nóng 2024. Thiếu điện xảy ra tại miền Bắc trong nửa cuối tháng 5, đầu tháng 6/2023 đã để lại nhiều bài học trong cung ứng điện cho ngành năng lượng. Rút kinh nghiệm năm nay, Bộ Công Thương vừa phê duyệt kế hoạch cung ứng điện các tháng cao điểm mùa khô (4,5, 6 và 7/2024).

Định hướng điều hành thị trường vàng năm 2024

Ngày 3/1, Ngân hàng Nhà nước tổ chức họp báo về triển khai nhiệm vụ ngành ngân hàng năm 2024. Liên quan đến câu chuyện quản lý thị trường vàng, trao đổi với báo chí, ông Đào Xuân Tuấn, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối (Ngân hàng Nhà nước), khẳng định đây là thời điểm phù hợp để đánh giá lại mục tiêu và chính sách quản lý thị trường vàng. Với diễn biến tăng nóng của giá vàng SJC thời gian qua, theo nhận định của Ngân hàng Nhà nước, là có dấu hiệu đầu cơ; thậm chí tung tin thất thiệt để đẩy giá vàng miếng SJC lên cao. Theo các chuyên gia, nếu tình trạng vàng hóa nền kinh tế xảy ra, nguy cơ thiếu hụt ngoại tệ càng lớn và gây sức ép phá giá đồng tiền Việt Nam.

Tổng doanh thu viễn thông năm 2023 chỉ tăng 0,41%

Năm 2023, tổng doanh thu dịch vụ viễn thông ước đạt 139,26 nghìn tỷ đồng, tăng 0,41% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 99,5% kế hoạch năm 2023... Con số trên cũng như số liệu thống kê các năm trước đó trong báo cáo tổng kết năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cho thấy doanh thu trong lĩnh vực viễn thông năm qua gần như không tăng trưởng, và ở mức thấp nhất trong nhiều năm lại đây. Điều này cũng phản ánh đúng xu hướng trên thế giới, là dịch vụ viễn thông truyền thống đã đến ngưỡng bão hòa và không còn dư địa tăng trưởng, trong khi đó các không gian tăng trưởng mới như chuyển đổi số, dịch vụ số, IoT...

TIN DOANH NGHIỆP

Viconship (VSC) được cấp phép chào bán hơn 133 triệu cổ phiếu, mua thêm vốn từ Cảng Nam Hải Đình Vũ

Ngày 29/12/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Container Việt Nam (Viconship, mã VSC). Công ty hiện có vốn điều lệ 1.333 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu chào bán ra công chúng là 133,3 triệu cổ phiếu. Như vậy, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu hiện hữu được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm, với giá 10.000 đồng/cổ phần. Theo phương án chào bán, tổng số tiền huy động được là 1.334 tỷ đồng, Công ty dự kiến dùng 1.320 tỷ đồng nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ từ các thành viên góp vốn hiện hữu; còn lại 12,96 tỷ đồng sẽ bổ sung vốn điều lệ.

May 10 ước lãi trước thuế 123 tỷ trong năm 2023, vượt kế hoạch 12%

Phát biểu tại Lễ phát động thi đua năm 2024 sáng ngày 02/01, ông Thân Đức Việt - Tổng Giám đốc May 10 cho biết 2023 là năm đặc biệt khó khăn chưa có tiền lệ đối với nhiều lĩnh vực, trong đó có dệt may Việt Nam. Kết thúc năm 2023, M10 ước đạt tổng doanh thu 4,248 tỷ đồng và lãi trước thuế 123 tỷ đồng, lần lượt giảm 9% và 18% so với năm 2022; nhưng vượt hơn 1% chỉ tiêu doanh thu (4,200 tỷ đồng) và vượt gần 12% mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm (110 tỷ đồng). Thu nhập bình quân đạt 9.25 triệu đồng/người/tháng, tương đương năm 2022.

Doanh số tiêu thụ 2023 của FMC đi lùi hơn 11%, lợi nhuận ước trên 300 tỷ

CTCP Thực phẩm Sao Ta (HOSE: FMC) vừa báo cáo sơ kết hoạt động năm 2023, doanh số tiêu thụ đạt 200.6 triệu USD, đi lùi hơn 11% so với thực hiện năm 2022. Lợi nhuận dự kiến trên 300 tỷ đồng. Về sản lượng sản xuất, tôm thành phẩm chế biến đạt gần 21.2 ngàn tấn, tăng 3% so với năm trước. Ngược lại, nông sản chế biến giảm gần 21%, đạt 1.6 ngàn tấn. Năm 2023, sản lượng tiêu thụ tôm và nông sản thành phẩm đạt lần lượt 17.4 ngàn tấn và gần 1.4 ngàn tấn, giảm 4% và 24% so với năm 2022.

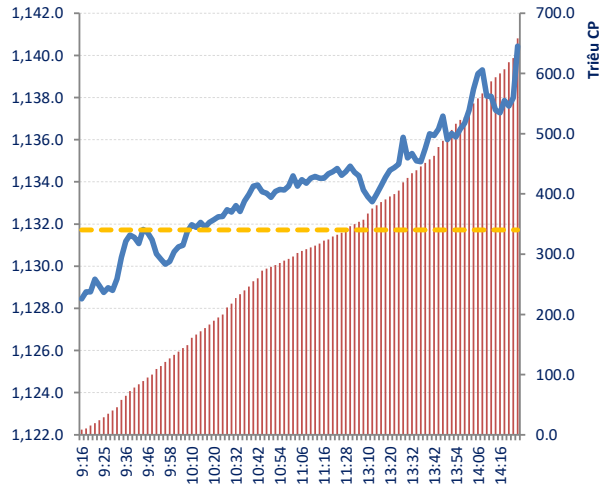
HDBank hoàn thành thoái vốn ngoài ngành, hiện thực hóa lợi nhuận từ khoản đầu tư vào hàng không

Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank, HOSE: HDB) vừa báo cáo hoàn tất bán hơn 3.2 triệu cp của Hãng Hàng không Vietjet (VJC) theo lộ trình thoái vốn đầu tư ngoài ngành. Theo thông tin từ Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE), giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh từ ngày 11-29/12/2023, hoàn thành 100% khối lượng đăng ký, mang về khoản thu nhập cao sau nhiều năm tham gia góp vốn từ khi hãng thành lập. Trên sàn HOSE, giá cổ phiếu HDB kết phiên 03/01 ở mức 20,000 đồng/cp, tăng 10% sau 1 tháng. Thanh khoản bình quân trên 7 triệu cp/ngày.

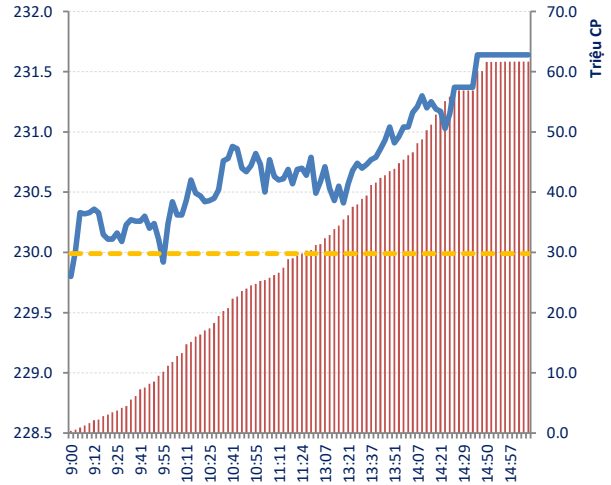


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

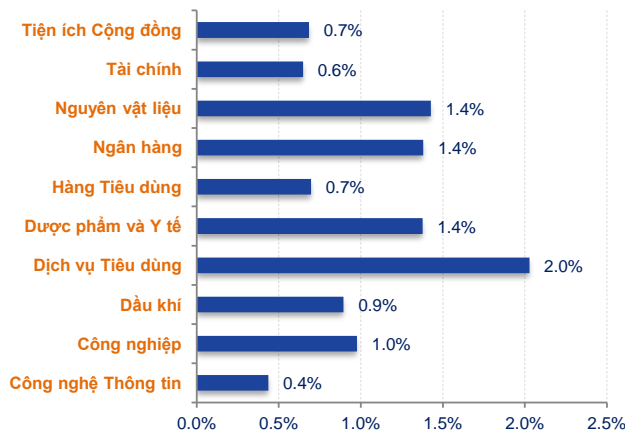
KLGD và VN-Index trong phiên



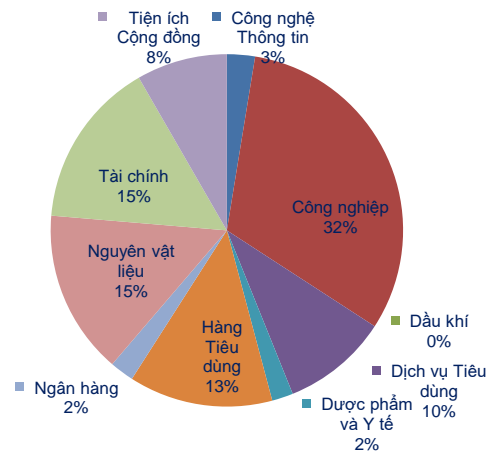
KLGD và HNX-Index trong phiên



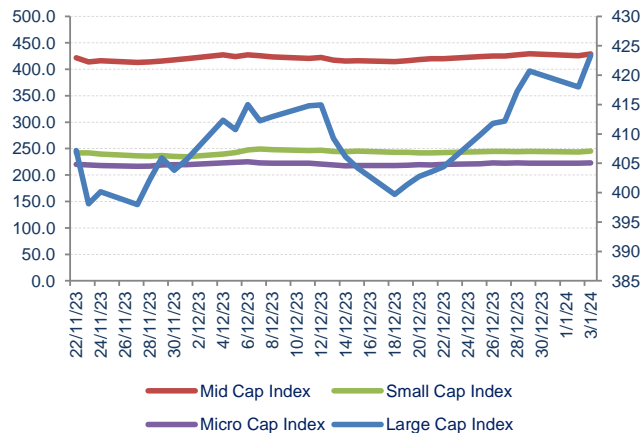
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



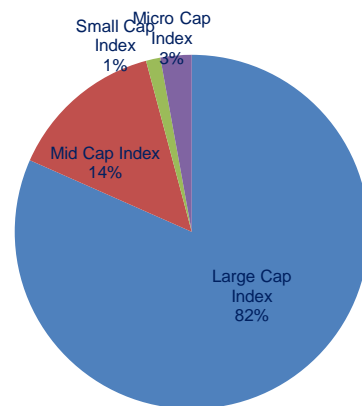
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,315,400	FUESSVFL	11,147,400	1	IDC	436,000	PVS	702,400
2	HDB	1,159,900	SHB	1,868,101	2	DDG	50,000	MBS	52,300
3	GEX	877,600	DXG	1,202,500	3	VGS	22,380	SHS	50,340
4	VPB	765,100	HAG	920,600	4	NRC	20,000	HUT	36,200
5	VCB	756,735	SSI	850,432	5	IVS	12,800	VMC	35,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.95	11.25	↑ 2.74%	33,358,300	SHS	18.50	18.70	↑ 1.08%	10,524,622
HQC	4.16	4.45	↑ 6.97%	21,527,700	HUT	20.00	20.20	↑ 1.00%	8,561,715
STB	27.75	28.50	↑ 2.70%	20,090,700	CEO	22.50	22.70	↑ 0.89%	4,681,307
HHV	15.60	16.20	↑ 3.85%	18,826,000	PVS	37.90	38.20	↑ 0.79%	3,504,097
HPG	27.45	27.80	↑ 1.28%	18,575,400	MBS	22.50	22.70	↑ 0.89%	2,465,601

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ABT	35.00	37.45	2.45	↑ 7.00%	TKG	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
VPG	17.15	18.35	1.20	↑ 7.00%	SGH	33.00	36.30	3.30	↑ 10.00%
KSB	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%	KTT	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
POM	5.01	5.36	0.35	↑ 6.99%	PRC	22.10	24.30	2.20	↑ 9.95%
HNG	5.02	5.37	0.35	↑ 6.97%	SDG	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	21.90	20.40	-1.50	↓ -6.85%	VTC	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
VTB	13.30	12.40	-0.90	↓ -6.77%	VBC	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%
FIR	18.50	17.25	-1.25	↓ -6.76%	NHC	33.00	29.70	-3.30	↓ -10.00%
SRC	27.90	26.30	-1.60	↓ -5.73%	NFC	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
HSL	9.60	9.15	-0.45	↓ -4.69%	NAP	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	33,358,300	15.9%	2,036	5.4	0.8
HQC	21,527,700	0.1%	12	353.9	0.5
STB	20,090,700	17.5%	3,825	7.3	1.2
HHV	18,826,000	3.9%	985	15.8	0.7
HPG	18,575,400	1.9%	322	85.3	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	10,524,622	5.4%	643	28.8	1.5
HUT	8,561,715	0.8%	122	164.3	1.6
CEO	4,681,307	6.7%	955	23.6	1.8
PVS	3,504,097	6.7%	1,846	20.5	1.4
MBS	2,465,601	10.4%	1,104	20.4	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ABT	↑ 7.0%	13.6%	6,989	5.0	0.9
VPG	↑ 7.0%	-0.5%	(97)	-	0.9
KSB	↑ 7.0%	4.7%	1,210	21.9	1.0
POM	↑ 7.0%	-47.5%	(3,857)	-	0.7
HNG	↑ 7.0%	-111.2%	(2,922)	-	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TKG	↑ 10.0%	2.0%	205	43.9	0.9
SGH	↑ 10.0%	9.3%	1,364	24.2	2.2
KTT	↑ 10.0%	-72.0%	(6,950)	-	1.6
PRC	↑ 10.0%	111.7%	41,994	0.5	0.8
SDG	↑ 9.9%	1.3%	593	25.5	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,315,400	17.5%	3,825	7.3	1.2
HDB	1,159,900	20.7%	2,926	6.8	1.3
GEX	877,600	2.0%	511	43.3	0.9
VPB	765,100	9.7%	1,477	12.8	1.0
VCB	756,735	22.6%	6,013	13.9	2.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	436,000	17.0%	3,177	16.1	3.0
DDG	50,000	-27.9%	(3,189)	-	0.6
VGS	22,380	5.3%	939	24.2	1.3
NRC	20,000	-5.9%	(788)	-	0.4
IVS	12,800	3.4%	362	28.5	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	466,689	22.6%	6,013	13.9	2.9
BID	245,119	17.6%	3,450	12.5	2.1
VHM	187,238	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	173,634	19.0%	5,283	14.3	2.8
VIC	168,241	2.7%	977	45.0	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,115	6.7%	1,846	20.5	1.4
HUT	17,850	0.8%	122	164.3	1.6
IDC	16,896	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	15,043	5.4%	643	28.8	1.5
THD	13,552	2.9%	460	76.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.51	7.9%	1,020	27.2	2.1
FCN	2.48	1.1%	232	62.0	0.7
AGR	2.47	6.3%	727	21.9	1.4
CII	2.47	0.8%	258	66.7	0.7
PIT	2.42	-0.6%	(47)	-	0.7

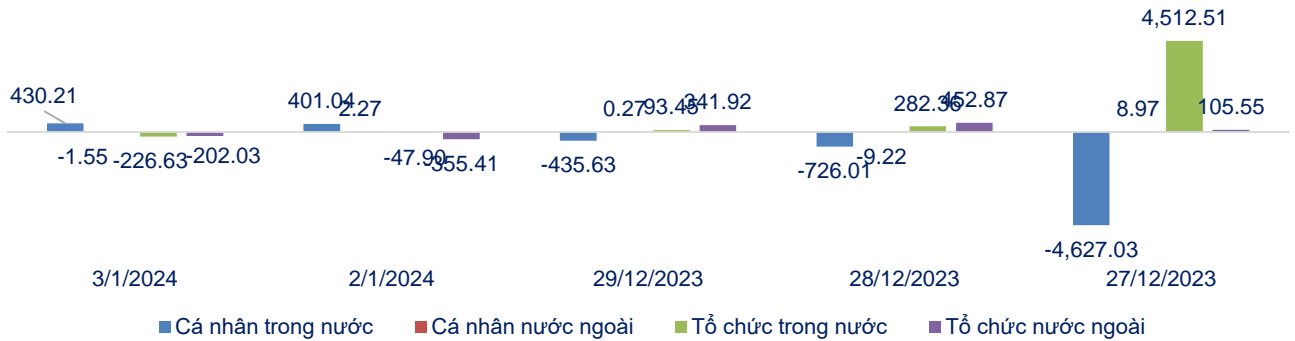
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.54	0.8%	122	164.3	1.6
SHS	2.39	5.4%	643	28.8	1.5
EVS	2.25	5.9%	688	12.3	0.7
VC7	2.24	6.2%	589	25.5	1.4
MBS	2.17	10.4%	1,104	20.4	2.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	191.77	9.2%	2,663	23.7	2.0
VPB	53.12	9.7%	1,477	12.8	1.0
SSI	48.22	8.9%	1,346	24.1	2.1
SHB	42.10	15.9%	2,036	5.4	0.8
MBB	34.42	22.4%	4,290	4.4	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	-53.63	16.3%	4,525	8.4	1.3
CTR	-47.46	29.0%	4,346	21.1	5.7
HDB	-42.40	20.7%	2,926	6.8	1.3
VCB	-37.86	22.6%	6,013	13.9	2.9
KOS	-35.00	0.8%	80	495.0	3.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	6.19	16.9%	2,201	6.1	1.0
VNM	5.85	24.4%	4,029	17.0	4.2
HDB	4.39	20.7%	2,926	6.8	1.3
STB	2.48	17.5%	3,825	7.3	1.2
TPB	1.94	17.0%	2,483	7.0	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDC	-6.43	13.6%	1,895	17.0	2.3
MSB	-3.24	17.2%	2,471	5.3	0.9
DGW	-2.85	16.6%	2,563	20.4	3.2
SKG	-2.50	8.9%	1,217	12.1	1.0
BID	-1.61	17.6%	3,450	12.5	2.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	204.77	N/A	N/A	N/A	N/A
HAH	50.95	16.3%	4,525	8.4	1.3
CTR	47.80	29.0%	4,346	21.1	5.7
KOS	35.82	0.8%	80	495.0	3.8
VIB	24.73	26.3%	3,507	5.6	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	-190.51	9.2%	2,663	23.7	2.0
VPB	-67.62	9.7%	1,477	12.8	1.0
STB	-38.54	17.5%	3,825	7.3	1.2
MBB	-34.42	22.4%	4,290	4.4	1.1
FPT	-33.67	22.3%	4,815	19.9	4.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	63.56	22.6%	6,013	13.9	2.9
VHC	40.44	12.9%	5,648	13.3	1.7
STB	34.47	17.5%	3,825	7.3	1.2
GEX	19.70	2.0%	511	43.3	0.9
HDB	18.72	20.7%	2,926	6.8	1.3

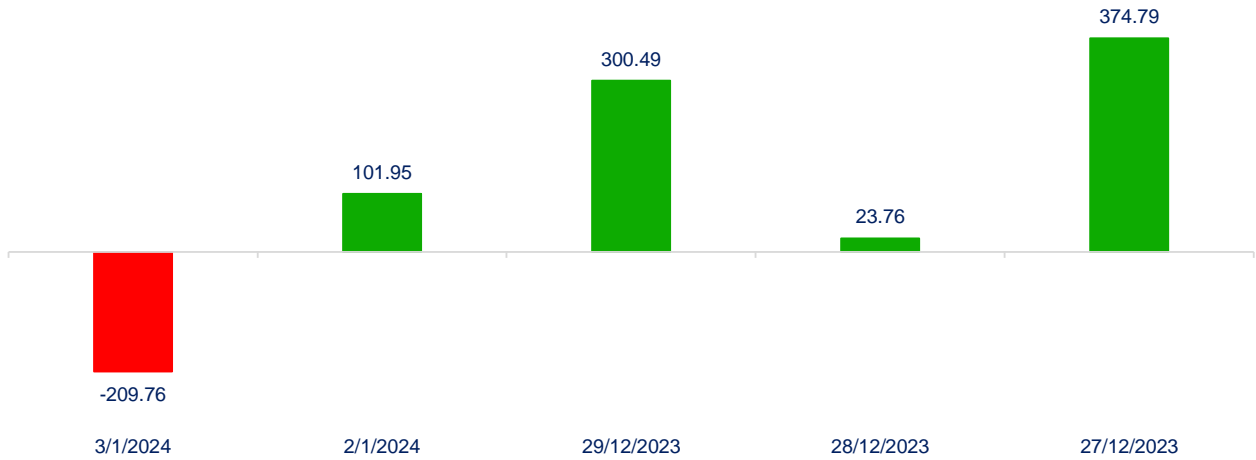
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-204.81	N/A	N/A	N/A	N/A
SSI	-27.45	8.9%	1,346	24.1	2.1
DXG	-22.56	-2.0%	(452)	-	0.9
DGC	-22.05	29.7%	9,010	10.4	2.8
SHB	-20.15	15.9%	2,036	5.4	0.8

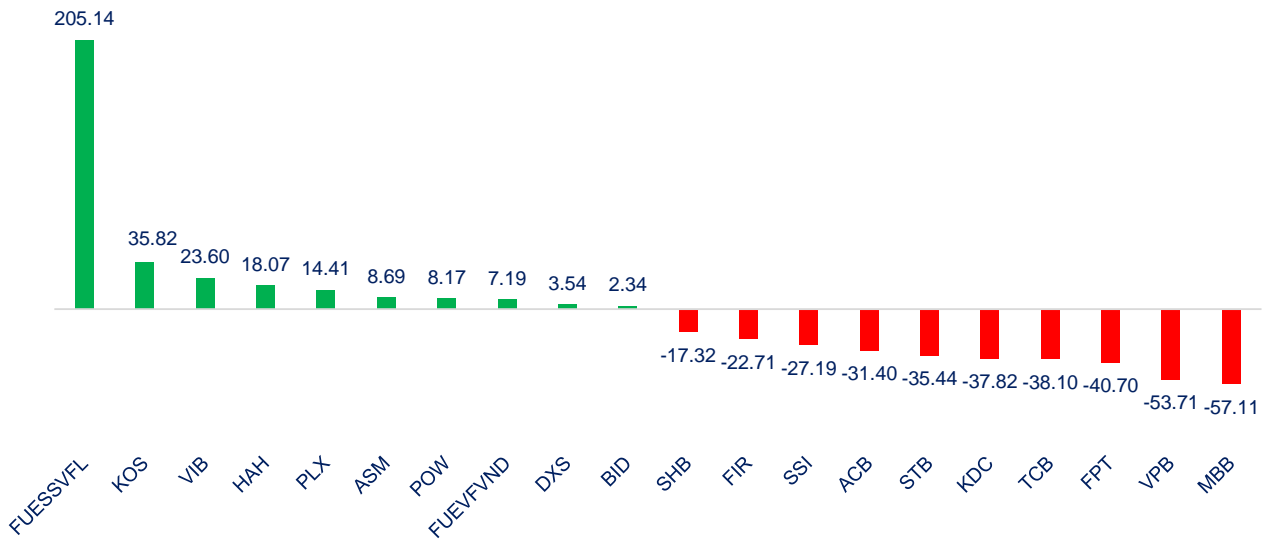


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn